

Số: ~~607~~UBDT-KHTC  
V/v hướng dẫn xây dựng Kế hoạch  
và dự toán ngân sách nhà nước năm  
2017 của Ủy ban Dân tộc

Hà Nội, ngày ~~27~~ tháng 6 năm 2016

Kính gửi: Các Vụ, đơn vị trực thuộc Ủy ban Dân tộc

Căn cứ Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (KTXH) và dự toán ngân sách nhà nước năm 2017; Nghị định số 05/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về công tác dân tộc; Chỉ thị số 28/CT-TTg ngày 10/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ về nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về công tác dân tộc; Quyết định số 449/QĐ-TTg ngày 12/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020; Công văn số 4333/BKHĐT-TH ngày 06/6/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Khung hướng dẫn xây dựng kế hoạch phát triển KTXH năm 2017; Công văn số 4456/BKHĐT-TH ngày 09/6/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc lập kế hoạch đầu tư công năm 2017; Công văn số 194/BKH-CN-KHTH ngày 19/01/2016 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch KH&CN và dự toán ngân sách KH&CN năm 2017; Công văn 1258/BTNMT-KH ngày 08/4/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách sự nghiệp môi trường năm 2017.

Để công tác xây dựng Kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2017 (gọi tắt là Kế hoạch 2017) đúng định hướng, tập trung và thống nhất, Ủy ban Dân tộc hướng dẫn các Vụ, đơn vị trực thuộc xây dựng Kế hoạch 2017 như sau:

## **I. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ**

### **1. Mục tiêu:**

- Thực hiện có hiệu quả các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an sinh, phúc lợi xã hội, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường sống, môi trường sản xuất kinh doanh và cải thiện đời sống đồng bào vùng dân tộc thiểu số và miền núi; tăng cường củng cố chất lượng hệ thống chính trị cơ sở vùng dân tộc thiểu số, giữ vững khối đại đoàn kết dân tộc; đảm bảo an ninh biên giới chủ quyền quốc gia, ổn định chính trị, trật tự - an toàn xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

- Nâng cao hiệu quả, hiệu lực bộ máy quản lý nhà nước về lĩnh vực công tác dân tộc; triển khai hiệu quả các chính sách dân tộc, tăng cường đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số, miền núi vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí sử dụng hợp lý đội ngũ cán bộ là người dân tộc thiểu số; tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chủ trương, chính sách dân tộc của Đảng và nhà nước; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng.

## **2. Nhiệm vụ chủ yếu**

2.1. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các mục tiêu theo tinh thần chỉ thị, nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về công tác dân tộc: Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng; Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011-2020; Nghị quyết số 76/2014/QH13 ngày 24/6/2014 của Quốc hội khóa XIII về đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020; Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 19/05/2011 của Chính phủ về định hướng giảm nghèo bền vững từ năm 2011 đến 2020; Chỉ thị số 28/CT-TTg ngày 10/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ về nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về công tác dân tộc; Quyết định số 449/QĐ-TTg ngày 12/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020; Quyết định số 2356/QĐ-TTg ngày 04/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động thực hiện Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020.

2.2. Tiếp tục triển khai các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ thực hiện Kết luận của Bộ Chính trị về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội một số vùng Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, Bắc Trung bộ và duyên hải Trung bộ, đồng bằng Sông Cửu Long giai đoạn 2011 - 2020<sup>1</sup>.

2.3. Triển khai hiệu quả các chính sách dân tộc hiện hành; nghiên cứu, đề xuất xây dựng, hoàn thiện cơ chế quản lý các chương trình, chính sách đầu tư phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số: Chương trình 135 về hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất và hỗ trợ nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn giai đoạn 2016 - 2020 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; Chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020; Chính sách Hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc thiểu số rất ít người giai đoạn

---

<sup>1</sup> Kết luận số 25-KL/TW ngày 02/8/2012; số 26-KL/TW ngày 02/8/2012; số 27-KL/TW ngày 02/8/2012; số 28-KL/TW ngày 14/8/2012; số 12-KL/TW ngày 24/10/2011; số 13-KL/TW ngày 28/10/2011.



2016-2020; Chính sách Cấp một số ấn phẩm báo chí cho vùng dân tộc thiểu số, miền núi, vùng đặc biệt khó khăn giai đoạn 2017-2020;...

2.4. Tập trung công tác nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong hệ thống cơ quan làm công tác dân tộc từ Trung ương đến cơ sở, chú trọng quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ người dân tộc thiểu số trong hệ thống chính trị xác định mục tiêu, nhiệm vụ trong năm 2017 và lộ trình thực hiện Quyết định số 402/QĐ-TTg ngày 14/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số trong thời kỳ mới.

#### 2.5. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế và thu hút đầu tư

Thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế; triển khai hiệu quả Quyết định số 2214/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ “Tăng cường hợp tác quốc tế hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số”, Quyết định số 40/QĐ-TTg ngày 07/01/2016 về việc phê duyệt Chiến lược tổng thể hội nhập quốc tế đến năm 2020 tầm nhìn đến 2030; Chương trình phối hợp công tác giữa Ủy ban Dân tộc và Liên hiệp các Tổ chức hữu nghị Việt Nam giai đoạn 2014 - 2020; tăng cường công tác thông tin đối ngoại về lĩnh vực công tác dân tộc. Tiếp tục thực hiện các Thỏa thuận với các nước láng giềng, các nước ASEAN, một số nước châu Âu, châu Á để tăng cường quan hệ, trao đổi công tác quản lý nhà nước về dân tộc. Tổ chức rà soát, hoàn thiện các cơ chế, chính sách về đầu tư trực tiếp nước ngoài theo hướng tăng cường thu hút đầu tư nước ngoài có chọn lọc, định hướng vào những lĩnh vực thiết yếu vùng dân tộc thiểu số: cơ sở hạ tầng, công nghiệp “xanh”, thân thiện với môi trường; chế biến sâu tài nguyên khoáng sản; đào tạo nguồn nhân lực; những lĩnh vực, dự án có giá trị gia tăng cao. Tăng cường kiểm tra, giám sát để nâng cao hiệu quả đầu tư nước ngoài; khuyến khích thu hút đầu tư vào các cửa khẩu biên giới; xây dựng và thực hiện các chương trình kêu gọi đầu tư nước ngoài vào các lĩnh vực ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số.

2.6. Hoàn thiện thể chế, tăng cường công tác pháp chế, thanh tra, kiểm tra, phòng chống tham nhũng

- Tập trung nghiên cứu xây dựng, hoàn thiện dự thảo Dự án Luật dân tộc; nâng cao chất lượng công tác pháp chế và thực hiện tốt các nhiệm vụ theo quy định tại Nghị định 55/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011; tập trung xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực công tác dân tộc; nâng cao hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho cán bộ, công chức, người lao động trong hệ thống cơ quan công tác dân tộc.

- Công tác thanh tra, kiểm tra: Tăng cường thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật và việc chấp hành pháp luật phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Làm tốt công tác tiếp dân, xử lý đơn thư và giải quyết



các vụ việc khiếu nại, tố cáo; tiến hành thanh tra, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện các chương trình, chính sách dân tộc ở các Bộ, ngành, địa phương nhằm kịp thời tháo gỡ vướng mắc, khắc phục những bất hợp lý, yếu kém trong quản lý nhà nước và đẩy nhanh tiến độ, nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện chính sách dân tộc.

- Triển khai đồng bộ các giải pháp phòng, chống tham nhũng, lãng phí theo Kết luận tại Hội nghị Trung ương 5 khóa XI, Quyết định số 253/QĐ-TTg ngày 17/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2016.

2.7. Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, bảo tồn, phát huy các di sản văn hóa dân tộc. Đẩy mạnh phong trào thể dục, thể thao để nâng cao thể chất người dân tộc thiểu số; đảm bảo quyền bình đẳng giới, nâng cao vị thế của phụ nữ dân tộc thiểu số; chú trọng công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ quyền lợi của trẻ em dân tộc thiểu số.

2.8. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về công tác dân tộc cho cán bộ, đảng viên các cấp, các ngành về vị trí, vai trò của công tác dân tộc, đoàn kết dân tộc; tăng cường tiếp xúc, đối thoại với đồng bào nhất là về cơ chế, chính sách gắn liền với cuộc sống của đồng bào và hoạt động của doanh nghiệp trên địa bàn; thường xuyên cập nhật, phổ biến kịp thời thông tin tình hình chính trị, xã hội trên thế giới, khu vực và trong nước, nhất là những thông tin có tác động ảnh hưởng đến vùng dân tộc thiểu số; vận động đồng bào thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.

2.9. Đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính, thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở

- Xây dựng, trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Dân tộc nhiệm kỳ Chính phủ 2016-2021; đề nghị đổi tên cơ quan Ủy ban Dân tộc thành Bộ Dân tộc cho phù hợp với tình hình mới.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của ngành, gắn với việc đổi mới phương thức điều hành, tạo sự công khai minh bạch trong công tác quản lý nhà nước lĩnh vực công tác dân tộc từ Trung ương tới địa phương; triển khai đồng bộ Bộ cơ sở dữ liệu về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số Việt Nam, hoàn thiện biểu mẫu, chỉ tiêu báo cáo phục vụ chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo Ủy ban. Rà soát, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các thủ tục hành chính không còn phù hợp. Chấn chỉnh kỷ cương, kỷ luật hành chính trong thi hành công vụ; áp dụng quy trình quản lý hệ thống chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2008, hoàn thiện sử dụng phần mềm Hệ điều hành tác nghiệp, nâng cấp Công thông tin điện tử nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong quản lý, điều hành.



- Thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở, đề cao vai trò giám sát của nhân dân đối với hoạt động của cán bộ, công chức. Tăng cường tiếp xúc, đối thoại, tập trung chỉ đạo giải quyết những kiến nghị chính đáng của nhân dân.

- Triển khai Đề án Biệt phái công chức, viên chức đi địa phương vùng đồng bào dân tộc thiểu số; thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính và cải cách chế độ công vụ, công chức của Ủy ban Dân tộc giai đoạn 2016-2020;

#### 2.10. Công tác nghiên cứu khoa học, công nghệ, môi trường, điều tra cơ bản

- Tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ thuộc Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia giai đoạn 2016 - 2020 "Những vấn đề cơ bản và cấp bách về dân tộc thiểu số và chính sách dân tộc ở Việt Nam đến năm 2030", Mã số CTDT/16-20. Nghiên cứu ứng dụng các đề tài cấp Nhà nước và các đề tài khoa học quan trọng cấp bộ, các nhiệm vụ điều tra cơ bản, nhiệm vụ bảo vệ môi trường có tính thực tiễn cao, phục vụ hoạch định chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước trong giai đoạn mới.

- Tiếp tục triển khai Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01 tháng 11 năm 2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về "Phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế" và Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết.

2.11. Nâng cao chất lượng công tác thống kê, dự báo: Tăng cường và nâng cao chất lượng thông tin thống kê, chế độ báo cáo thống kê của ngành, thực hiện tốt cơ chế phối hợp, cung cấp, phổ biến thông tin trong công tác thống kê; nâng cao hiệu quả công tác dự báo tình hình kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số.

2.12. Tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án quan trọng của Ủy ban Dân tộc (trụ sở cơ quan Ủy ban Dân tộc, Khách sạn Dân tộc, Học viện Dân tộc, trụ sở Văn phòng đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh...).

## II. YÊU CẦU XÂY DỰNG KẾ HOẠCH 2017

### 1. Yêu cầu chung:

1.1. Kế hoạch 2017 phải phù hợp với Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 và Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020 của Ủy ban Dân tộc<sup>2</sup> để bảo đảm tính khả thi, nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực.

---

<sup>2</sup> Văn bản số 1305/UBDT-KHTC ngày 28/11/2014 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020; Văn bản số 172/UBDT-KHTC ngày 26/5/2015 về việc rà soát, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020

1.2. Dự toán chi ngân sách nhà nước theo đúng các quy định pháp luật về chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi, trong đó chủ động sắp xếp thứ tự các nhiệm vụ chi ưu tiên theo mức độ cấp thiết, khả năng triển khai trong năm 2017 để hoàn thành các nhiệm vụ, chương trình, dự án, đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trên cơ sở nguồn ngân sách nhà nước được phân bổ và các nguồn huy động hợp pháp khác. Chủ động dự kiến nhu cầu kinh phí thực hiện các chương trình, chính sách, nhiệm vụ mới khi được cấp có thẩm quyền quyết định.

1.3. Kế hoạch 2017 được xây dựng trên nguyên tắc thống nhất, công khai, minh bạch, hiệu quả, sự phối hợp đồng bộ giữa các Vụ, đơn vị thuộc Ủy ban Dân tộc và giữa Ủy ban Dân tộc với các Bộ, ngành liên quan, đảm bảo thống nhất trong phân bổ nguồn lực từ NSNN đúng quy định pháp luật hiện hành, thực hành tiết kiệm chống lãng phí.

## **2. Yêu cầu cụ thể:**

### *2.1. Đối với các Vụ, đơn vị được giao quản lý chương trình, chính sách dân tộc*

Có trách nhiệm đánh giá đúng, đầy đủ tình hình, kết quả, tiến độ giải ngân 06 tháng đầu năm và ước thực hiện cả năm 2016 các chương trình, chính sách dân tộc do Ủy ban Dân tộc trực tiếp quản lý. Phân tích làm rõ những khó khăn, vướng mắc, xác định nguyên nhân khách quan, chủ quan, giải pháp khắc phục, những kiến nghị, đề xuất các cấp thẩm quyền.

Căn cứ đánh giá Kế hoạch 2016, các Vụ, đơn vị triển khai xây dựng Kế hoạch 2017, trong đó đề xuất nhu cầu vốn cho các chương trình, chính sách dân tộc thực hiện năm 2017 (bao gồm các chính sách đã hết hiệu lực nhưng chưa đạt mục tiêu, được cấp thẩm quyền cho phép kéo dài năm 2017; các chính sách còn hiệu lực; các chính sách mới đã trình chờ phê duyệt, hoặc chuẩn bị trình trong năm 2016), cụ thể:

#### **a) Vụ Chính sách dân tộc:**

- Chính sách hỗ trợ di dân thực hiện định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số còn du canh du cư theo Quyết định số 33/2013/QĐ-TTg;

- Chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo ở vùng khó khăn theo Quyết định số 102/2009/QĐ-TTg;

- Chính sách cho vay vốn phát triển sản xuất đối với hộ dân tộc thiểu số ĐBKK giai đoạn 2012 - 2015 (Quyết định 54/2012/QĐ-TTg);

- Chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt và chuyển đổi nghề theo Quyết định 755/QĐ-TTg và 29/2013/QĐ-TTg;



- Chính sách sắp xếp, ổn định dân cư cho người di cư tự do từ nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào trở về nước (Quyết định số 162/QĐ-TTg ngày 25/01/2016);

- Kinh phí triển khai Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15/6/2016 của Chính phủ về đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2030.

- Chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020 (đã trình chờ phê duyệt);

b) Văn phòng Điều phối Chương trình 135:

- Quyết định số 551/QĐ-TTg ngày 04/4/2013 về Chương trình hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất các xã ĐBKK, xã biên giới, xã ATK, thôn ĐBKK giai đoạn 2013-2020 (CT 135);

- Chương trình 135 về hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất và hỗ trợ nâng cao năng lực cho cộng đồng, cán bộ cơ sở các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu giai đoạn 2016-2020 (thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững).

c) Vụ Địa phương I:

- Đề án “Phát triển kinh tế - xã hội vùng các dân tộc Mảng, La Hủ, Cống, Cờ Lao” theo Quyết định số 1672/QĐ-TTg ngày 26/9/2011;

- Chính sách Hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc thiểu số rất ít người giai đoạn 2016-2020 (đã trình chờ phê duyệt).

d) Vụ Tuyên truyền:

- Chính sách cấp một số ấn phẩm báo, tạp chí cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn năm 2016 theo Quyết định số 633/QĐ-TTg ngày 19/4/2016;

- Chính sách cấp một số ấn phẩm báo chí cho vùng dân tộc thiểu số, miền núi, vùng đặc biệt khó khăn giai đoạn 2017-2020 (dự kiến trình trong năm 2016);

- Đề án đẩy mạnh công tác tuyên truyền vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017-2021 (dự kiến trình trong năm 2016);

e) Vụ Dân tộc thiểu số:

- Chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào DTTS (Quyết định số 18/2011/QĐ-TTg; 56/2013/QĐ-TTg);

- Đề án giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2015-2025 (Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 14/4/2015).

- Chính sách tăng cường vai trò của người có uy tín đối với công tác dân tộc trong vùng dân tộc thiểu số (đã trình chờ phê duyệt).

## *2.2. Đối với các Vụ, đơn vị quản lý nhà nước:*

Tổ chức đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch công tác và dự toán ngân sách 06 tháng đầu năm và ước thực hiện cả năm 2016 theo Quyết định số 724/QĐ-UBND, Quyết định số 725/QĐ-UBND ngày 29/12/2015 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về việc giao Kế hoạch công tác và dự toán ngân sách nhà nước năm 2016 và các Quyết định điều chỉnh kế hoạch, dự toán ngân sách nhà nước 06 tháng đầu năm 2016. Xây dựng Kế hoạch 2017 (kế hoạch công tác và dự toán kinh phí) trên cơ sở chức năng nhiệm vụ của Vụ, đơn vị và các nhiệm vụ được Lãnh đạo Ủy ban giao tại các Quyết định và văn bản chỉ đạo điều hành khác.

## *2.3. Đối với các đơn vị dự toán:*

2.3.1. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch và dự toán NSNN 6 tháng đầu năm và dự kiến cả năm 2016, theo từng nhiệm vụ được Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban giao tại Quyết định số 724/QĐ-UBND, Quyết định số 725/QĐ-UBND ngày 29/12/2015. Làm rõ những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong việc thực hiện nhiệm vụ, cơ chế, chính sách và chế độ chi tiêu đồng thời kiến nghị các giải pháp khắc phục trong năm 2016

### *2.3.2. Xây dựng nhiệm vụ kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2017:*

#### *a) Văn phòng Ủy ban:*

Thực hiện cơ chế tự chủ theo quy định theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2015 của Chính phủ Quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước, việc lập Kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2017 cần thuyết minh làm rõ các nội dung sau:

- Số biên chế được duyệt đến thời điểm lập dự toán, trong đó số biên chế thực có mặt đến thời điểm lập dự toán, số biên chế chưa tuyển theo chỉ tiêu được duyệt (nếu có). Số lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP có mặt đến thời điểm lập dự toán.

- Xác định Quỹ tiền lương, phụ cấp theo lương tối thiểu 1.210.000 đồng/tháng (tính đủ 12 tháng) do NSNN đảm bảo, bao gồm:



+ Quỹ tiền lương, phụ cấp của số biên chế được duyệt, thực có mặt tính đến thời điểm lập dự toán, được xác định trên cơ sở mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ; phụ cấp lương theo chế độ; các khoản đóng góp theo chế độ (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn).

+ Quỹ tiền lương, phụ cấp của số biên chế được duyệt nhưng chưa tuyển, được dự kiến trên cơ sở mức lương tối thiểu 1.210.000 đồng/tháng, hệ số lương 2,34/biên chế, các khoản đóng góp theo chế độ (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn).

+ Quỹ tiền lương, phụ cấp của số đối tượng làm việc theo chế độ hợp đồng không thời hạn theo quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, được xác định tương tự như đối với số biên chế được duyệt, thực có mặt tại thời điểm lập dự toán.

- Định mức kinh phí (sau khi loại trừ chi tiền lương, phụ cấp, chi đặc thù) dự kiến theo định mức mới là 50 triệu đồng/biên chế.

- Dự toán nguồn cải cách tiền lương: tiếp tục chủ động thực hiện cơ chế tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định: nguồn tiết kiệm 10% chi thường xuyên (không kể tiền lương và các khoản có tính chất lương) đồng thời thực hiện chuyển các nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm trước chưa sử dụng hết (nếu có) sang năm 2017 để tiếp tục thực hiện.

- Các khoản chi đặc thù: Giải trình cơ sở pháp lý và thuyết minh chi tiết cơ sở tính toán của từng khoản chi đặc thù, gồm: Chính trị phí, kinh phí thuê trụ sở, mua ô tô, sửa chữa lớn tài sản cố định, mua sắm trang thiết bị và phương tiện làm việc của các Vụ, đơn vị, kinh phí tổ chức các đoàn thanh tra hành chính, thanh tra chuyên ngành...

- Lập dự toán riêng đối với phần kinh phí chi hoạt động thường xuyên của Vụ Địa phương II, Địa phương III, Văn phòng Đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh).

- Triệt để tiết kiệm các khoản: chi cho công tác khen thưởng; hội nghị, hội thảo, đoàn ra và đoàn vào không theo Hiệp định có sử dụng kinh phí giao tự chủ tài chính.

#### b) Các đơn vị sự nghiệp:

Ngày 14 tháng 2 năm 2015 Chính phủ ban hành Nghị định 16/2015/NĐ-CP quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập có hiệu lực thi hành từ ngày 6 tháng 4 năm 2015. Căn cứ Nghị định trên các đơn vị sự nghiệp công xây dựng phương án tự chủ phù hợp với kế hoạch và điều kiện thực tế của đơn vị báo cáo cơ quan quản lý cấp trên để phê duyệt, sau khi có ý kiến bằng văn bản của cơ quan tài chính cùng cấp.

Tuy nhiên hiện nay nhà nước chưa ban hành hoặc sửa đổi Nghị định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong từng lĩnh vực cụ thể, các đơn vị sự nghiệp công lập của UBND được tiếp tục thực hiện cơ chế tự chủ theo quy định tại Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 26/4/2006 (Trường cán bộ Dân tộc, Trung tâm Thông tin, Báo Dân tộc phát triển, Tạp chí Dân tộc, Nhà khách Dân tộc); Nghị định số 115/2005 ngày 05/9/2005 quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học công nghệ công lập và nghị định 96/2010 ngày 20/9/2010 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 115/2005/NĐ-CP (Viện dân tộc). Đồng thời xây dựng phương án sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức của đơn vị giai đoạn 2017 - 2020 trình Ủy ban Dân tộc xem xét, quyết định trước ngày 20/7/2016.

**\* Trường Cán bộ Dân tộc:**

Việc lập Kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2017 cần thuyết minh làm rõ các nội dung sau:

- Dự toán thu và dự toán chi từ các khoản thu được từ hoạt động của đơn vị:

Thuyết minh rõ các khoản thu và số kinh phí dự kiến thu được năm 2017 và các khoản chi từ nguồn kinh phí thu được.

- Dự toán chi do ngân sách nhà nước đảm bảo:

+ Số biên chế được duyệt đến thời điểm lập dự toán, trong đó số biên chế thực có mặt đến thời điểm lập dự toán, số biên chế chưa tuyển theo chỉ tiêu được duyệt (nếu có). Số lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP có mặt đến thời điểm lập dự toán. Xác định Quỹ tiền lương, phụ cấp theo lương tối thiểu 1.210.000 đồng/tháng (tính đủ 12 tháng) do NSNN đảm bảo, bao gồm: Quỹ tiền lương, phụ cấp của số biên chế được duyệt, thực có mặt tính đến thời điểm lập dự toán, được xác định trên cơ sở mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ; phụ cấp lương theo chế độ; các khoản đóng góp theo chế độ (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn). Quỹ tiền lương, phụ cấp của số biên chế được duyệt nhưng chưa tuyển, được dự kiến trên cơ sở mức lương tối thiểu 1.210.000 đồng/tháng, hệ số lương 2,34/biên chế, các khoản đóng góp theo chế độ (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn). Quỹ tiền lương, phụ cấp của số đối tượng làm việc theo chế độ hợp đồng không thời hạn theo quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, được xác định tương tự như đối với số biên chế được duyệt, thực có mặt tại thời điểm lập dự toán.

+ Dự toán nguồn cải cách tiền lương: chủ động thực hiện cơ chế tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định: nguồn tiết kiệm 10% chi thường xuyên (không kể tiền lương và các khoản có tính chất lương) dành một phần nguồn thu được để lại theo chế độ, đồng thời thực hiện chuyển các nguồn thực hiện cải



cách tiền lương năm trước chưa sử dụng hết (nếu có) sang năm 2017 để tiếp tục thực hiện.

+ Kinh phí phục vụ hoạt động bộ máy và hoạt động chuyên môn:

Thuyết minh rõ nội dung, dự toán chi tiết các khoản mục chi phục vụ cho hoạt động bộ máy, hoạt động chuyên môn: tiền công, văn phòng phẩm, Thanh toán dịch vụ công cộng, thông tin liên lạc, sửa chữa thường xuyên tài sản cố định, ....

+ Các khoản chi đặc thù: Chi kinh phí thuê trụ sở, chi mua sắm trang thiết bị và phương tiện làm việc cho viên chức nhà nước, các nhiệm vụ đặc thù khác trong công tác giáo dục đào tạo.

#### **\* Trung tâm Thông tin:**

Việc lập Kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2017 cần thuyết minh làm rõ các nội dung sau:

- Dự toán thu và dự toán chi từ các khoản thu được từ hoạt động của đơn vị:

Thuyết minh rõ các khoản thu và số kinh phí dự kiến thu được năm 2017 và các khoản chi từ nguồn kinh phí thu được.

- Kinh phí sự nghiệp kinh tế:

+ Số biên chế được phê duyệt đến thời điểm lập dự toán, trong đó số biên chế thực có mặt đến thời điểm lập dự toán, số biên chế chưa tuyển theo chỉ tiêu được duyệt. Số lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP có mặt đến thời điểm lập dự toán.

+ Xác định Quỹ tiền lương, phụ cấp theo lương tối thiểu 1.210.000 đồng/tháng (tính đủ 12 tháng) do NSNN đảm bảo, bao gồm: Quỹ tiền lương, phụ cấp của số biên chế được duyệt, thực có mặt tính đến thời điểm lập dự toán, được xác định trên cơ sở mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ; phụ cấp lương theo chế độ; các khoản đóng góp theo chế độ (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn). Quỹ tiền lương, phụ cấp của số biên chế được duyệt nhưng chưa tuyển, được dự kiến trên cơ sở mức lương tối thiểu 1.210.000 đồng/tháng, hệ số lương 2,34/biên chế, các khoản đóng góp theo chế độ (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn). Quỹ tiền lương, phụ cấp của số đối tượng làm việc theo chế độ hợp đồng không thời hạn theo quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP (nếu có), được xác định tương tự như đối với số biên chế được duyệt, thực có mặt tại thời điểm lập dự toán. Kinh phí hoạt động bộ máy và các hoạt động chuyên môn:

Thuyết minh rõ nội dung, dự toán chi tiết các khoản mục chi phục vụ cho hoạt động bộ máy, hoạt động chuyên môn: tiền công, văn phòng phẩm, thanh

toán dịch vụ công cộng, thông tin liên lạc, sửa chữa thường xuyên tài sản cố định, ....

- Kinh phí chi quản lý hành chính:

Thuyết minh rõ các nội dung, dự toán chi tiết thực hiện các nhiệm vụ theo Quyết định số 318/QĐ-UBND ngày 21/6/2016 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về việc phê duyệt kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Ủy ban Dân tộc giai đoạn 2016 - 2020 của Ủy ban Dân tộc.

**\* Báo Dân tộc và phát triển; Tạp chí Dân tộc:**

Căn cứ Công văn số 14833/BTC-HCSN ngày 20/10/2014 của Bộ Tài chính, Tạp chí Dân tộc là đơn vị tự đảm bảo một phần chi hoạt động thường xuyên, Báo Dân tộc và Phát triển là đơn vị đảm bảo toàn bộ chi phí hoạt động thường xuyên đến hết năm 2016.

Tuy nhiên năm 2016 kinh phí hoạt động của 2 đơn vị này chủ yếu phụ thuộc vào kinh phí cấp cho các Báo, tạp chí thực hiện Quyết định 633/QĐ-TTg ngày 19/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ. Đến 31/12/2016 quyết định 633/QĐ-TTg hết hiệu lực, do đó khả năng đảm bảo kinh phí chi hoạt động thường xuyên năm 2017 và các năm tiếp theo của Tạp chí Dân tộc, Báo Dân tộc và Phát triển rất khó khăn.

Để có cơ sở xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2017, Tạp chí Dân tộc, Báo Dân tộc và Phát triển phải xây dựng phương án tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính theo phương án là đơn vị được nhà nước đảm bảo toàn bộ kinh phí hoạt động, ổn định từ 2017 - 2020, trình Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban phê duyệt trước ngày 20/7/2016.

Trong thời gian chờ phê duyệt phương án, Tạp chí Dân tộc, Báo Dân tộc và Phát triển xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2017 với các nội dung sau:

- Dự toán thu và dự toán chi từ các khoản thu được từ hoạt động của đơn vị:

Thuyết minh rõ các khoản thu và số kinh phí dự kiến thu được năm 2017 và các khoản chi từ nguồn kinh phí thu được.

- Xác định số biên chế được duyệt đến thời điểm lập dự toán, trong đó số biên chế thực có mặt đến thời điểm lập dự toán, số biên chế chưa tuyển theo chỉ tiêu được duyệt. Số lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP có mặt đến thời điểm lập dự toán (nếu có).

- Xác định Quỹ tiền lương, phụ cấp theo lương tối thiểu 1.210.000 đồng/tháng (tính đủ 12 tháng) do NSNN đảm bảo, bao gồm:



+ Quỹ tiền lương, phụ cấp của số biên chế được duyệt, thực có mặt tính đến thời điểm lập dự toán, được xác định trên cơ sở mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ; phụ cấp lương theo chế độ; các khoản đóng góp theo chế độ (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn).

+ Quỹ tiền lương, phụ cấp của số đối tượng làm việc theo chế độ hợp đồng không thời hạn theo quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP (nếu có), được xác định tương tự như đối với số biên chế được duyệt, thực có mặt tại thời điểm lập dự toán.

- Kinh phí hoạt động bộ máy và các hoạt động chuyên môn:

Thuyết minh rõ nội dung, dự toán chi tiết các khoản mục chi phục vụ cho hoạt động bộ máy, hoạt động chuyên môn: tiền công, văn phòng phẩm, thanh toán dịch vụ công cộng, thông tin liên lạc, sửa chữa thường xuyên tài sản cố định, ....

- Các khoản chi đặc thù: Chi thuê trụ sở, mua sắm trang thiết bị tài sản thiết yếu.....

- Dự kiến kinh phí in ấn, xuất bản Tạp chí Dân tộc, Báo Dân tộc và Phát triển....

#### **\* Viện Dân tộc:**

Căn cứ nhiệm vụ được giao theo Quyết định số 320/QĐ-UBDT ngày 21/6/2016 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban dân tộc về việc phê duyệt danh mục nhiệm vụ theo chức năng của Viện Dân tộc năm 2017. Viện Dân tộc lập chi tiết dự toán thu, dự toán chi thường xuyên và dự toán ngân sách nhà nước hỗ trợ năm 2017, trong đó:

Dự toán kinh phí ngân sách chi nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của Viện Dân tộc năm 2017 thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ hướng dẫn thực hiện Luật Ngân sách Nhà nước, các Thông tư của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 60/2003/NĐ-CP và các quy định hiện hành.

Việc lập dự toán kinh phí chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 1 - Điều 3 - Thông tư liên tịch số 121/2014/TTLT-BTC-BKHCN ngày 25/8/2014 của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn xây dựng dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của tổ chức KHCN công lập.

### **\* Nhà khách Dân tộc:**

Kế hoạch và dự toán thu, chi năm 2017 được lập tương tự năm 2016, trong đó tập trung nhiệm vụ đẩy nhanh tiến độ xây dựng khách sạn Dân tộc và thực hiện nhiệm vụ chính trị do Lãnh đạo Ủy ban giao.

### **\* Lưu ý:**

Việc lập dự toán mua sắm tài sản phục vụ hoạt động của các đơn vị phải trên cơ sở Danh mục tài sản mua sắm tập trung được Hội đồng thẩm định của Ủy ban Dân tộc phê duyệt và đảm bảo nguyên tắc:

+ Ưu tiên trang bị cho các cán bộ, công chức mới được tuyển dụng theo biên chế được duyệt (định mức theo định mức hiện hành).

+ Thay thế các trang thiết bị đã hỏng không thể khắc phục, hết khấu hao, quá thời gian sử dụng của các Vụ, đơn vị với tỷ lệ 10%-20%.

### **2.4. Đối với các đơn vị quản lý, sử dụng vốn đầu tư phát triển:**

- Các đơn vị, Ban Quản lý được giao quản lý các dự án sử dụng vốn đầu tư phát triển (chủ đầu tư), tổ chức đánh giá kết quả, tiến độ sử dụng vốn đầu tư phát triển 06 tháng đầu năm 2016 và ước thực hiện cả năm 2016 cho từng dự án.

- Vụ Kế hoạch - Tài chính chủ trì phối hợp với các chủ đầu tư lập kế hoạch vốn đầu tư năm 2017, đảm bảo quy định của Luật đầu tư công, Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015; Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 và các quy định hiện hành, bảo đảm nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ, phân kỳ đầu tư phù hợp với Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020. Các dự án khởi công mới năm 2017 (đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt) cần đề xuất vốn chuẩn bị đầu tư (Dự án Học viện Dân tộc, Trụ sở Văn phòng đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh, các dự án công nghệ - thông tin, dự án thống kê...) và dự kiến vốn thực hiện dự án năm 2017.

### **2.5. Đối với Vụ, đơn vị quản lý dự án ODA, viện trợ không hoàn lại:**

- Các Vụ, đơn vị, Ban Quản lý dự án được giao quản lý các dự án sử dụng vốn ODA, viện trợ lẻ phi dự án, có trách nhiệm tổ chức đánh giá tình hình thực hiện các chương trình, dự án ODA và tình hình thực hiện các khoản viện trợ lẻ phi dự án: Báo cáo tình hình và tiến độ thực hiện dự án, khoản viện trợ 6 tháng đầu năm và dự kiến khả năng hoàn thành kế hoạch năm, lũy kế tình hình thực hiện từ khi bắt đầu triển khai đến thời điểm báo cáo (khối lượng công việc đã hoàn thành, các sản phẩm đầu ra và giá trị giải ngân theo từng hợp phần, hoạt động, mục chi); các khó khăn, vướng mắc và đề xuất giải pháp để xử lý.

- Lập Kế hoạch thực hiện dự án, viện trợ lẻ nguồn viện trợ không hoàn lại năm 2017:



+ Trên cơ sở thống nhất với nhà tài trợ, các Vụ, đơn vị, Ban Quản lý dự án xây dựng kế hoạch năm 2017 (kế hoạch giải ngân, kế hoạch chi tiêu, kế hoạch đầu thầu,...), trong đó xác định rõ các nguồn lực sử dụng, tiến độ thực hiện, thời hạn hoàn thành, mục tiêu chất lượng và tiêu chí chấp nhận kết quả đối với từng hoạt động, hợp phần của dự án, khoản viện trợ để làm cơ sở theo dõi, đánh giá.

+ Kế hoạch năm 2017 lập theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BKHĐT ngày 09/01/2014. Gửi kèm theo các tài liệu: Quyết định thành lập Ban Quản lý dự án; Quyết định phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động (bản mới nhất) của Ban QLDA; Văn kiện dự án; Thỏa thuận tài trợ; Thỏa thuận điều chỉnh kế hoạch và dự toán với nhà tài trợ; Bảng lương kiêm nhiệm tháng 6 năm 2016; Hợp đồng thuê văn phòng dự án; Hợp đồng lao động hợp chuyên môn, lao động giản đơn; Bản kế hoạch và dự toán chi tiết đã thỏa thuận với nhà tài trợ.

*2.6. Đối với nhiệm vụ khoa học công nghệ, bảo vệ môi trường, dự án điều tra cơ bản:*

Giao Vụ Tổng hợp có trách nhiệm:

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ, bảo vệ môi trường, dự án điều tra cơ bản, tổ chức đánh giá tình hình, tiến độ thực hiện các dự án bảo vệ môi trường, dự án điều tra cơ bản, đề tài cấp nhà nước, cấp Bộ; số lượng dự án, đề tài cấp nhà nước, cấp Bộ đã hoàn thành so với kế hoạch; thực hiện các chế độ, định mức, chấp hành chế độ báo cáo tài chính và quyết toán kinh phí đề tài, dự án; các đề tài, dự án còn tồn đọng, đã quá hạn của các năm trước chưa quyết toán, nêu rõ nguyên nhân và đề xuất hướng xử lý dứt điểm; những vướng mắc khó khăn trong việc thực hiện cơ chế, chính sách về khoa học công nghệ.

- Xây dựng kế hoạch và dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2017 cho các nhiệm vụ khoa học công nghệ, bảo vệ môi trường, dự án điều tra cơ bản của các cơ quan, đơn vị, cá nhân, cụ thể:

+ Dự toán chi nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Dự toán kinh phí năm 2017 chi cho các đề tài, dự án KHCN sử dụng vốn NSNN: Căn cứ xây dựng dự toán là nhiệm vụ nghiên cứu KHCN đã được Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban phê duyệt cho các đề tài, dự án và các định mức kinh phí đã hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ; Quyết định số 723/QĐ-UBND ngày 28/12/2015 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc Ban hành một số định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ, cấp cơ sở có sử dụng ngân sách của Ủy ban Dân tộc. Việc lập, duyệt, cấp phát, sử dụng, thanh quyết toán

kinh phí thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 93/2006/TTLT-BTC-BKHCN ngày 04/10/2006 của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ.

+ Dự toán chi nhiệm vụ bảo vệ môi trường:

Căn cứ xây dựng dự toán là các dự án, đề tài, nhiệm vụ bảo vệ môi trường đã được Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban phê duyệt, các định mức chi kinh phí được hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 114/2006/TTLT-BTC-TNMT ngày 29/12/2006 và số 01/2008/TTLT-BTNMT-BTC ngày 29/01/2008 của Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý kinh phí sự nghiệp môi trường và lập dự toán công tác bảo vệ môi trường.

+ Dự toán chi nhiệm vụ điều tra cơ bản (sự nghiệp kinh tế): Dự toán chi cho các dự án điều tra cơ bản, quy hoạch khảo sát chưa kết thúc năm 2016 kéo dài sang năm 2017. Đăng ký và xây dựng dự toán chi cho các dự án mới năm 2017 căn cứ vào Thông tư số 24/2008/TT-BTC ngày 14/3/2008 của Bộ Tài chính về hướng dẫn quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí sự nghiệp kinh tế thực hiện các nhiệm vụ, dự án quy hoạch.

*(Biểu mẫu lập Kế hoạch và dự toán NSNN gửi kèm Công văn này)*

### **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ TIẾN ĐỘ**

#### **1. Tổ chức thực hiện:**

- Thủ trưởng các Vụ, đơn vị thuộc Ủy ban Dân tộc có trách nhiệm chỉ đạo, đôn đốc, bố trí nhân lực tổ chức xây dựng Kế hoạch 2017 của cơ quan, đơn vị phụ trách, đồng thời phối hợp chặt chẽ với Vụ Kế hoạch - Tài chính trong quá trình xây dựng.

- Giao Vụ Kế hoạch - Tài chính chủ trì, phối hợp với các Vụ, đơn vị thuộc Ủy ban Dân tộc xây dựng phương án, tính toán cân đối nguồn lực, chỉ tiêu lập Báo cáo Kế hoạch năm 2017 của Ủy ban Dân tộc, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tổ chức thảo luận Kế hoạch 2017.

#### **2. Tiến độ xây dựng:**

- **Cuối tháng 6/2016**, Ủy ban Dân tộc ban hành văn bản hướng dẫn xây dựng Kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2017;

- Báo cáo Kế hoạch 2017 (bao gồm cả biểu) của các Vụ, đơn vị thuộc Ủy ban Dân tộc gửi về Vụ Kế hoạch - Tài chính, Ủy ban Dân tộc, 80 Phan Đình Phùng, Ba Đình, Hà Nội **trước ngày 08/7/2016 và gửi bản mềm theo địa chỉ email: tringhanhduc@cema.gov.vn**, ĐT liên hệ: đ/c Nguyễn Thế Hoàng 0912451917, đ/c Trịnh Anh Đức 0904699628).



- Ngày 08-12/7/2016 Vụ Kế hoạch - Tài chính tham mưu Lãnh đạo Ủy ban tổ chức thảo luận Kế hoạch với các Vụ, đơn vị do Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban chủ trì.

- Các Vụ, đơn vị hoàn thiện Kế hoạch 2017, gửi Vụ Kế hoạch - Tài chính **chậm nhất vào 17 giờ ngày 14/7/2016** để tổng hợp vào Kế hoạch chung của Ủy ban Dân tộc.

- Ngày 19/7/2016 Vụ Kế hoạch - Tài chính hoàn thiện Kế hoạch 2017, trình Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc ký ban hành, gửi các Bộ, ngành liên quan.

Yêu cầu Thủ trưởng các Vụ, đơn vị thuộc Ủy ban Dân tộc nghiêm túc thực hiện nội dung Công văn này./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng, Chủ nhiệm UBĐT (bc);
- Các Thủ trưởng, Phó Chủ nhiệm UBĐT;
- Công TTĐT UBĐT;
- Lưu VT, KHTC (5).

44

**KT. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM  
THỨ TRƯỞNG, PHÓ CHỦ NHIỆM**



**Đinh Quế Hải**

**ỦY BAN DÂN TỘC**

Biểu số 1a

*Áp dụng các Vụ quản lý nhà nước của Ủy ban Dân tộc***KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 2017****Đơn vị: .....***(Kèm theo Công văn số ~~607~~/UBDT-KHTC ngày ~~27~~ tháng ~~6~~ năm 2016 của Ủy ban Dân tộc)*

Số TT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện				Thời gian trình LĐUB	Thời gian trình CP, TTCP	Hình thức sản phẩm
		Q1	Q2	Q3	Q4			
A	Thực hiện các chương trình, đề án dự án, chính sách dân tộc theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ							
1	.....							
2	.....							
B	Nhiệm vụ thường xuyên thuộc chức năng của Vụ							
1	.....							
2	.....							
C	Thực hiện các nhiệm vụ khác							
1	.....							
2	.....							
	<b>Tổng cộng</b>							

**Người lập biểu***Hà Nội, ngày ..... tháng ..... năm 2016***THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**



**ỦY BAN DÂN TỘC****Biểu 1b***Áp dụng đối với các đơn vị dự toán của Ủy ban Dân tộc***KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 2017****Đơn vị: .....***(Kèm theo Công văn số ~~607~~/UBDT-KHTC ngày ~~27~~ tháng ~~6~~ năm 2016 của Ủy ban Dân tộc)*

Số TT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện				Thời gian trình LĐUB	Thời gian trình CP, TTCP	Hình thức sản phẩm
		Q1	Q2	Q3	Q4			
<b>A</b>	<b>Nhiệm vụ thuộc chức năng của đơn vị</b>							
1	.....							
2	.....							
<b>B</b>	<b>Thực hiện các nhiệm vụ khác</b>							
1	.....							
2	.....							
<b>C</b>	<b>Kinh phí hoạt động bộ máy</b>							
1	Quỹ lương và các khoản phụ cấp (phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên nghề nghiệp, phụ cấp giảng dạy ...) và các khoản đóng góp theo lương							
2	Chi hoạt động bộ máy và các hoạt động chuyên môn							
	.....							
<b>D</b>	<b>Doanh thu các hoạt động sự nghiệp</b>							
1	.....							
2	.....							
	<b>Tổng cộng</b>							

**Người lập biểu***Hà Nội, ngày ..... tháng ..... năm 2016***THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

**THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2016  
VÀ DỰ TOÁN NĂM 2017**

*(Kèm theo Công văn số ~~607~~ /UBDT-KHTC ngày ~~27~~ / 6 /2016 của Ủy ban Dân tộc)*

*DVT: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN 2016	ƯỚC THỰC HIỆN 2016	DỰ TOÁN 2017
<b>A</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>			
1	Số thu phí, lệ phí			
	- Học phí			
	- Phí, lệ phí khác			
2	Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại			
	- Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
	- Chi sự nghiệp kinh tế			
	- Chi sự nghiệp khoa học công nghệ			
	- Phí, lệ phí khác			
3	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước			
<b>B</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>			
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>			
	<i>Trong đó:</i>			
	- Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
	- Chi khoa học, công nghệ			
1	Chi đầu tư XD CB			
2	Chi đầu tư và hỗ trợ các doanh nghiệp theo chế độ quy định			
3	Chi đầu tư phát triển khác			
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>			
1	Chi SN giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
2	Chi sự nghiệp y tế			
3	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ			



STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN 2016	ƯỚC THỰC HIỆN 2016	DỰ TOÁN 2017
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin			
5	Chi sự nghiệp kinh tế			
6	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường			
7	Chi quản lý hành chính			
8	Chi trợ giá các mặt hàng chính sách			
9	Chi khác			
III	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình mục tiêu và các chương trình, dự án lớn khác			

**Người lập biểu**

*Hà Nội, ngày ..... tháng ..... năm 2016*

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

Tên đơn vị: .....

Áp dụng đối với các đơn vị dự toán thuộc Ủy ban Dân tộc

**BIỂU SO SÁNH NHU CẦU KINH PHÍ CHI THƯỜNG XUYÊN  
NĂM 2016 - NĂM 2017**

(Kèm theo Công văn số ~~607~~ UBĐT-KHTC ngày ~~27~~ tháng ~~6~~ năm 2016 của Ủy ban Dân tộc)

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	Lĩnh vực chi	Kinh phí năm 2016	Kinh phí năm 2017	Chênh lệch	Ghi chú
	<b>Tổng số chi thường xuyên</b>				
<b>A</b>	<b>KINH PHÍ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH</b>				
<b>I</b>	<b>Kinh phí giao Văn phòng Ủy ban</b>				
1	Kinh phí giao tự chủ tài chính				
2	Kinh phí không giao tự chủ tài chính				Vụ KHTC chịu trách nhiệm tổng hợp
<b>II</b>	<b>Kinh phí giao Trung tâm thông tin</b>				
<b>III</b>	<b>Kinh phí giao Tạp chí Dân tộc</b>				
<b>IV</b>	<b>Quản lý, chỉ đạo thực hiện các dự án hỗ trợ kỹ thuật có nguồn vốn ODA</b>				
<b>B</b>	<b>KINH PHÍ SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC ĐÀO TẠO</b>				
<b>I</b>	<b>Kinh phí Trường Cán bộ Dân tộc</b>				
1	Kinh phí thường xuyên				
2	Kinh phí không thường xuyên				
<b>II</b>	<b>Kinh phí giao Học viện Dân tộc</b>				
1	Kinh phí thường xuyên				
2	Kinh phí không thường xuyên				
<b>III</b>	<b>Kinh phí giao Văn phòng Ủy ban</b>				
<b>C</b>	<b>KINH PHÍ SỰ NGHIỆP KINH TẾ</b>				
<b>I</b>	<b>Kinh phí giao Trung tâm thông tin</b>				
1	Kinh phí thường xuyên				
2	Kinh phí không thường xuyên				
<b>II</b>	<b>Kinh phí giao Văn phòng Ủy ban</b>				Vụ KHTC chịu trách nhiệm tổng hợp
1	Kinh phí thường xuyên				
2	Kinh phí không thường xuyên				



ST T	Lĩnh vực chi	Kinh phí năm 2016	Kinh phí năm 2017	Chênh lệch	Ghi chú
<b>D</b>	<b>KINH PHÍ SỰ NGHIỆP KHOA HỌC CÔNG NGHỆ</b>				
<b>I</b>	Kinh phí giao Viện Dân tộc thực hiện				
1	Kinh phí thường xuyên				
2	Kinh phí không thường xuyên				
<b>III</b>	<b>Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ</b>				Vụ Tổng hợp báo cáo số liệu
<b>E</b>	<b>KINH PHÍ SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG</b>				
1	Kinh phí thường xuyên				
2	Kinh phí không thường xuyên				
<b>F</b>	<b>KINH PHÍ SỰ NGHIỆP THÔNG TIN TRUYỀN THÔNG</b>				
1	Kinh phí giao Tạp chí Dân tộc				
2	Kinh phí Báo Dân tộc và phát triển				
<b>G</b>	<b>KINH PHÍ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU, CT MTQG</b>				
1	Dự án chăm sóc sức khỏe sinh sản và cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em				Vụ Tổng hợp báo cáo số liệu
2	Kinh phí thực hiện Chương trình đưa thông tin về cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo. Thực hiện Dự án: Tăng cường nội dung thông tin và truyền thông về cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo. Mã CT: 0430. Mã Dự án: 0433				Vụ Tuyên truyền báo cáo số liệu
3	Kinh phí thực hiện Chương trình nước sạch và VSMTNT. Mã CT: 0070, Mã Dự án: 0077.				Vụ Tổng hợp báo cáo số liệu
4	Kinh phí thực hiện Chương trình về bình đẳng giới theo Quyết định 1241/QĐ-TTg ngày 22/7/2011 của Thủ tướng CP				Vụ Dân tộc thiếu số báo cáo số liệu
5	Kinh phí thực hiện Chương trình phòng chống ma túy: Dự án thông tin, truyền thông phòng chống ma túy và giám sát thực hiện Chương trình. Mã CT: 0150. Mã Dự án: 0162				Vụ Tuyên truyền báo cáo số liệu
6	Dự án nâng cao năng lực giảm nghèo, truyền thông, giám sát đánh giá thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững				VPĐTCT 135 báo cáo số liệu
<b>H</b>	<b>KINH PHÍ CHI TRỢ GIÁ</b>				

ST T	Lĩnh vực chi	Kinh phí năm 2016	Kinh phí năm 2017	Chênh lệch	Ghi chú
	Thực hiện cấp báo không thu tiền cho vùng Dân tộc và miền núi				

**Người lập biểu**

*Hà Nội, ngày ..... tháng ..... năm 2016*  
**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**



## BIỂU TỔNG HỢP NHU CẦU KINH PHÍ NĂM 2017

(Kèm theo Công văn số ~~607~~ /UBDT-KHTC ngày ~~24~~ tháng ~~6~~ năm 2016 của Ủy ban Dân tộc)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Lĩnh vực chi	Kinh phí thực hiện	Cơ sở tính toán. Căn cứ pháp lý
	<b>Tổng số</b>		
	<b>KINH PHÍ THƯỜNG XUYÊN (A+B+C+D+E+F+G)</b>		
<b>A</b>	<b>KINH PHÍ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH</b>		
*	Kinh phí giao Văn phòng Ủy ban		
<b>I</b>	Kinh phí giao tự chủ tài chính		
<b>1</b>	<i>Quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương cơ sở 1,210 triệu đồng</i>	-	
1.1	Tiền lương		
1.2	Phụ cấp lương		
1.3	Các khoản đóng góp theo lương		
<b>2</b>	<i>Chi thường xuyên theo định mức</i>	-	
-	Tiền công		
-	Khen thưởng		
-	Phúc lợi tập thể		
-	Các khoản thanh toán cho cá nhân		

STT	Lĩnh vực chi	Kinh phí thực hiện	Cơ sở tính toán. Căn cứ pháp lý
-	Thanh toán dịch vụ công cộng		
-	Vật tư văn phòng		
-	Thông tin liên lạc		
-	Hội nghị		
-	Công tác phí		
-	Thuê mướn		
-	Sửa chữa thường xuyên TSCĐ		
-	Chi nghiệp vụ chuyên môn		
-	Chi khác		
<b>II</b>	<b>Kinh phí không giao tự chủ tài chính</b>		
<b>1</b>	<b>Chi sửa chữa lớn, mua sắm TSCĐ</b>		
a.	Kinh phí mua sắm tài sản		
b.	Kinh phí sửa chữa lớn tài sản cố định		
-			
-			
-			
-			
<b>2</b>	<b>Kinh phí hoạt động của Ủy ban</b>		



STT	Lĩnh vực chi	Kinh phí thực hiện	Cơ sở tính toán. Căn cứ pháp lý
a.	Kinh phí chính trị phí		
b.	Kinh phí thuê trụ sở của các Vụ, đơn vị	-	
+	Thuê trụ sở tại 141 Hoàng Hoa Thám		
+	Thuê trụ sở VP Đại diện tại TPHCM		
c.	Kinh phí thuê bãi gửi xe của Ủy ban		
d.	Hỗ trợ kinh phí hoạt động Đảng, đoàn thể		
e.	Kinh phí hoạt động chuyên môn:		
3	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, đề án trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Thông tư ban hành trong năm 2016		
a.	Kinh phí xây dựng văn bản Luật, Nghị định, Thông tư		
-			
-			
-			
b.	Kinh phí triển khai thực hiện các Đề án	-	
-			
-			
-			
4	Kinh phí thực hiện các công việc thuộc chức năng, nhiệm vụ		
-			

STT	Lĩnh vực chi	Kinh phí thực hiện	Cơ sở tính toán. Căn cứ pháp lý
-			
-			
5	Kinh phí tổ chức tập huấn, hội thảo		
6	Kinh phí kiểm tra các địa phương, lĩnh vực do Ủy ban Dân tộc quản lý	-	
-			
-			
7	Kinh phí phối hợp với các Bộ, ngành, cơ quan của UBND	-	
-			
-			
-			
-			
-			
*	Kinh phí giao Trung tâm thông tin		
	Kinh phí không tự chủ tài chính		
	Kinh phí ứng dụng công nghệ thông tin		
-			
-			
-			
-			
-			
*	Quản lý, chỉ đạo thực hiện các dự án hỗ trợ kỹ thuật có nguồn vốn ODA	-	
1	Tiểu dự án chính sách Dân tộc (UNICEF): Kinh phí đối ứng thực hiện dự án năm 2016		



STT	Lĩnh vực chi	Kinh phí thực hiện	Cơ sở tính toán. Căn cứ pháp lý
2	Thực hiện Tiểu dự án giảm nghèo PRPP: Kinh phí đối ứng thực hiện dự án năm 2016		
B	<b>KINH PHÍ SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC ĐÀO TẠO</b>		
*	<b>Trường Cán bộ Dân tộc</b>		
I	<b>Kinh phí thường xuyên</b>		
1	<i>Quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương cơ sở 1,150 triệu đồng</i>		
1.1	Tiền lương		
1.2	Phụ cấp lương		
1.3	Các khoản đóng góp theo lương		
2	<i>Chi thường xuyên theo định mức</i>		
-	Tiền công		
-	Khen thưởng		
-	Phúc lợi tập thể		
-	Các khoản thanh toán cho cá nhân		
-	Thanh toán dịch vụ công cộng		
-	Vật tư văn phòng		
-	Thông tin liên lạc		
-	Công tác phí		
-	Sửa chữa thường xuyên TSCĐ		
-	Chi khác		

STT	Lĩnh vực chi	Kinh phí thực hiện	Cơ sở tính toán. Căn cứ pháp lý
II	<i>Kinh phí không thường xuyên</i>		
1	Chi phí thuê trụ sở làm việc		
2			
3			
4			
*	<b>Văn phòng ủy ban</b>		
1	Chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức ở trong nước (Loại 490-505)		
2	Đào tạo nước ngoài		
C	<b>KINH PHÍ SỰ NGHIỆP KINH TẾ</b>		
I	<b>Kinh phí thường xuyên</b>		
1	<i>Quỹ lương ổn định theo Công văn số</i>		
1.1	Tiền lương		
1.2	Phụ cấp lương		
1.3	Các khoản đóng góp theo lương		
2	<i>Chi thường xuyên theo định mức</i>		
-	Phúc lợi tập thể		
-	Khen thưởng		
-	Các khoản thanh toán cho cá nhân		
-	Thanh toán dịch vụ công cộng		



STT	Lĩnh vực chi	Kinh phí thực hiện	Cơ sở tính toán. Căn cứ pháp lý
-	Vật tư văn phòng		
-	Thông tin liên lạc		
-	Hội nghị		
-	Công tác phí		
-	Thuê mướn		
-	Sửa chữa thường xuyên TSCĐ		
-	Chi nghiệp vụ chuyên môn		
-	Chi khác		
<b>II</b>	<b>Kinh phí không thường xuyên</b>		
1	Chi thực hiện các dự án điều tra cơ bản		
2			
<b>D</b>	<b>KINH PHÍ SỰ NGHIỆP KHOA HỌC CÔNG NGHỆ</b>		
*	<i>Kinh phí giao Viện Dân tộc thực hiện</i>		
<b>I</b>	<b>Kinh phí thường xuyên theo nhiệm vụ</b>		
<b>1</b>	<i>Quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương cơ sở 1,210 triệu đồng</i>		
1.1	Tiền lương		
1.2	Phụ cấp lương		
1.3	Các khoản đóng góp theo lương		
<b>2</b>	<i>Chi hoạt động bộ máy và hoạt động nghiệp vụ</i>		

STT	Lĩnh vực chi	Kinh phí thực hiện	Cơ sở tính toán. Căn cứ pháp lý
-	Khen thưởng		
-	Phúc lợi tập thể		
-	Thanh toán dịch vụ công cộng		
-	Vật tư văn phòng		
-	Thông tin liên lạc		
-	Hội nghị		
-	Công tác phí		
-	Sửa chữa thường xuyên TSCĐ		
-	Chi nghiệp vụ chuyên môn		
-	Chi khác		
<b>II</b>	<b>Kinh phí không thường xuyên</b>		
-	Kinh phí thuê trụ sở		
-	Kinh phí Xuất bản Tạp chí Nghiên cứu dân tộc theo Quyết định số 132/QĐ-UBND ngày 20/6/2012 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm UBNDT		
-			
-			
*	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ		
-			



STT	Lĩnh vực chi	Kinh phí thực hiện	Cơ sở tính toán. Căn cứ pháp lý
-			
-			
-			
E	KINH PHÍ SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG		
1	Kinh phí thường xuyên		
2	Kinh phí không thường xuyên		
-	Thực hiện 01 dự án chuyển tiếp từ năm 2015 sang năm 2016		
-	Thực hiện 02 dự án mới năm 2016		
-	Thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên		
G	KINH PHÍ SỰ NGHIỆP THÔNG TIN TRUYỀN THÔNG		
*	Kinh phí giao Tạp chí Dân tộc		
I	Kinh phí giao tự chủ tài chính		
1	Quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương cơ sở 1,210 triệu đồng		
1.1	Tiền lương		
1.2	Phụ cấp lương		
1.3	Các khoản đóng góp theo lương		
2	Chi thường xuyên theo định mức		
-	Khen thưởng		
-	Phúc lợi tập thể		
-	Thanh toán dịch vụ công cộng		

STT	Lĩnh vực chi	Kinh phí thực hiện	Cơ sở tính toán. Căn cứ pháp lý
-	Vật tư văn phòng		
-	Thông tin liên lạc		
-	Hội nghị		
-	Công tác phí		
-	Thuê mướn		
-	Sửa chữa thường xuyên TSCĐ		
-	Chi khác		
<b>II</b>	<b>Kinh phí không giao tự chủ tài chính</b>		
1	Kinh phí thuê trụ sở làm việc		
3	Hỗ trợ duy trì website thành phần Tạp chí Dân tộc trên cổng thông tin điện tử của UBĐT		
4	Mua sắm tài sản cố định		
*	<b>Báo Dân tộc và Phát triển</b>		
<b>I</b>	<b>Kinh phí giao tự chủ tài chính</b>		
<i>1</i>	<i>Quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương cơ sở 1,21 triệu đồng</i>		
1.1	Tiền lương		
1.2	Phụ cấp lương		
1.3	Các khoản đóng góp theo lương		

STT	Lĩnh vực chi	Kinh phí thực hiện	Cơ sở tính toán. Căn cứ pháp lý
2	<i>Chi thường xuyên theo định mức</i>		
II	Kinh phí không giao tự chủ tài chính		
-	Kinh phí thuê trụ sở làm việc		
H	<b>KINH PHÍ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH</b>		
*	<b>KINH PHÍ SỰ NGHIỆP Y TẾ</b>		
1	<i>Kinh phí thường xuyên</i>		
2	<i>Kinh phí không thường xuyên</i>		
	Dự án chăm sóc sức khỏe sinh sản và cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em		
*	<b>KINH PHÍ SỰ NGHIỆP VĂN HÓA THÔNG TIN</b>		
1	<i>Kinh phí thường xuyên</i>		
2	<i>Kinh phí không thường xuyên</i>		
	Kinh phí thực hiện Chương trình đưa thông tin về cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo. Thực hiện Dự án: Tăng cường nội dung thông tin và truyền thông về cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo. Mã CT: 0430. Mã Dự án: 0433		
*	<b>KINH PHÍ SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG</b>		
1	<i>Kinh phí thường xuyên</i>		



STT	Lĩnh vực chi	Kinh phí thực hiện	Cơ sở tính toán. Căn cứ pháp lý
2	<i>Kinh phí không thường xuyên</i>		
-	Kinh phí thực hiện Chương trình nước sạch và VSMTNT. Mã CT: 0070, Mã Dự án: 0077.		
*	<b>KINH PHÍ SỰ NGHIỆP HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI</b>		
1	<i>Kinh phí thường xuyên</i>		
2	<i>Kinh phí không thường xuyên</i>		
2.1	Kinh phí thực hiện Chương trình về bình đẳng giới theo Quyết định 1241/QĐ-TTg ngày 22/7/2011 của Thủ tướng CP		
2.2	Kinh phí thực hiện Chương trình phòng chống ma túy: Dự án thông tin, truyền thông phòng chống ma túy và giám sát thực hiện Chương trình. Mã CT: 0150. Mã Dự án: 0162		
*	<b>KINH PHÍ SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC ĐÀO TẠO</b>		
1	<i>Kinh phí thường xuyên</i>		
2	<i>Kinh phí không thường xuyên</i>		
-	Dự án nâng cao năng lực giảm nghèo, truyền thông, giám sát đánh giá thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững		
	<b>KINH PHÍ CHI TRỢ GIÁ</b>		
1	<i>Kinh phí giao tự chủ tài chính</i>		
2	<i>Kinh phí không giao tự chủ tài chính</i>		
	Thực hiện cấp báo không thu tiền cho vùng Dân tộc và miền núi		
	<b>KINH PHÍ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN</b>		

STT	Lĩnh vực chi	Kinh phí thực hiện	Cơ sở tính toán. Căn cứ pháp lý
1			
2			
3			
4			
5			

Người lập biểu

Hà Nội, ngày ..... tháng ..... năm 2016

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

**CƠ SỞ TÍNH CHI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC NĂM 2017**

(Áp dụng đối với Văn phòng Ủy ban)

(Kèm theo Công văn số 607/UBNDT-KHTC ngày 27 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban Dân tộc)

ĐVT: Đồng

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2016			Dự toán năm 2017
			Dự toán giao	Thực hiện đến 30/6	Ước thực hiện 2016	
1	Biên chế được duyệt					
2	Số cán bộ, công chức có mặt thực tế					
	- Biên chế	người				
	- Hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP	người				
	+ Dài hạn	người				
	+ Ngắn hạn	người				
3	Tổng quỹ lương (*)					
3.1	Lương, phụ cấp của cán bộ, công chức:	đồng				
-	Lương, phụ cấp của cán bộ, công chức trong chỉ tiêu biên chế thực có mặt	đồng				



STT	Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2016			Dự toán năm 2017
			Dự toán giao	Thực hiện đến 30/6	Ước thực hiện 2016	
-	Lương, phụ cấp của cán bộ, công chức trong chỉ tiêu biên chế được duyệt nhưng chưa tuyển	đồng				
-	Lương, phụ cấp cho đối tượng làm việc theo chế độ HD theo quy định Nghị định 68/2000/NĐ-CP (thực có mặt)	đồng				
3.2	Các khoản đóng góp theo lương	đồng				
-	Các khoản đóng góp theo lương của cán bộ, công chức trong chỉ tiêu biên chế thực có mặt	đồng				
-	Các khoản đóng góp theo lương của cán bộ, công chức trong chỉ tiêu biên chế được duyệt nhưng chưa tuyển	đồng				
-	Các khoản đóng góp theo lương của đối tượng làm việc theo chế độ HD theo quy định Nghị định 68/2000/NĐ-CP (thực có mặt)	đồng				
4.	Kinh phí theo định mức quy định tại Quyết định 59/2010/QĐ-TTg (27,5 trđ/biên chế) (**)	đồng				
5	<i>Trích lập quỹ khen thưởng trong ngành theo Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ</i>					
6	Các khoản chi đặc thù (***)	đồng				
6.1	Chi chính trị phí	đồng				
6.2	Kinh phí thuê trụ sở của các Vụ, đơn vị	đồng				

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2016			Dự toán năm 2017
			Dự toán giao	Thực hiện đến 30/6	Ước thực hiện 2016	
6.3	Kinh phí thuê bãi gửi xe của UBNDT	đồng				
6.4	Chi sửa chữa lớn trụ sở	đồng				
6.5	Mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc cho cán bộ công chức mới bổ sung	đồng				
6.6	Kinh phí kiểm tra các địa phương, lĩnh vực do UBNDT quản lý	đồng				
6.7	Thanh tra hành chính, thanh tra chuyên ngành thường xuyên thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước	đồng				
	.....	đồng				
<b>7</b>	<b>Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ phát sinh năm 2017</b>					
7.1	.....					
7.2	.....					

**Ghi chú:**

(\*) Năm 2017 trên cơ sở mức lương cơ sở 1.210.000 đ/tháng.

(\*\*) Tính tỷ lệ trượt giá 20%

(\*\*\*) Chỉ tiết từng nội dung công việc và các cơ sở, căn cứ tính toán cụ thể.

**Người lập biểu**

*Hà Nội, ngày ..... tháng ..... năm 2016*

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký tên và đóng dấu)

Tên đơn vị.....

**CƠ SỞ TÍNH CHI SỰ NGHIỆP KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂM 2017**

(Áp dụng cho Viện Dân tộc)

(Kèm theo Công văn số ~~607~~/UBDT-KHTC ngày 27 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban Dân tộc)

Đơn vị tính: đồng

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2016			Kế hoạch năm 2017
			Dự toán giao	Thực hiện đến 30/6	Ước thực hiện năm 2016	
	<b>TỔNG SỐ CHI</b>					
*	<b>Biên chế được duyệt</b>					
*	<b>Số cán bộ, công chức có mặt thực tế</b>					
	- Biên chế	người				
	- Hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP	người				
	+ Dài hạn	người				
	+ Ngắn hạn	người				
<b>1</b>	<b>Tổng quỹ lương (*)</b>					
1.1	Lương, phụ cấp của cán bộ, viên chức:					
-	Lương, phụ cấp của cán bộ, viên chức trong chi tiêu biên chế thực có mặt					
-	Lương, phụ cấp của cán bộ, viên chức trong chi tiêu biên chế được duyệt nhưng chưa tuyển					
-	Lương, phụ cấp cho đối tượng làm việc theo chế độ HĐ theo quy định Nghị định 68/2000/NĐ-CP (thực có mặt)					
1.2	Các khoản đóng góp theo lương					
-	Các khoản đóng góp theo lương của cán bộ, viên chức trong chi tiêu biên chế thực có mặt					
-	Các khoản đóng góp theo lương của cán bộ, viên chức trong chi tiêu biên chế được duyệt nhưng chưa tuyển					
-	Các khoản đóng góp theo lương của đối tượng làm việc theo chế độ HĐ theo quy định Nghị định 68/2000/NĐ-CP (thực có mặt)					
<b>2</b>	<b>Chi hoạt động bộ máy và hoạt động chuyên môn (**)</b>					



Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2016			Kế hoạch năm 2017
			Dự toán giao	Thực hiện đến 30/6	Ước thực hiện năm 2016	
	<i>(Thuyết minh chi tiết theo từng khoản mục chi)</i>					
-	Thanh toán dịch vụ công cộng					
-	Vật tư văn phòng					
-	Thông tin liên lạc					
-	Sửa chữa thường xuyên TSCĐ					
-	.....					
3	Thực hiện các nhiệm vụ theo Quyết định Lãnh đạo Ủy ban giao (**)					
	.....					
	.....					
4	Thực hiện các nhiệm vụ khác					
	.....					
	.....					
II	TỔNG SỐ THU (từ các hoạt động KHCN)					
1	.....					
2	.....					

(\*) Năm 2017 trên cơ sở mức lương cơ sở 1.210.000 đ/tháng.

(\*\*) Chi tiết từng nội dung công việc và các cơ sở, căn cứ tính toán cụ thể.

(\*\*\*) Căn cứ Quyết định phê duyệt danh mục nhiệm vụ thực hiện từng năm của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban.

Người lập biểu

Hà Nội, ngày ..... tháng ..... năm 2016

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
(Ký tên và đóng dấu)

**CƠ SỞ TÍNH CHI SỰ NGHIỆP KINH TẾ NĂM 2017**

*Áp dụng đối với Trung tâm thông tin*

*(Kèm theo Công văn số ~~607~~ UBĐT-KHTC ngày ~~27~~ tháng 6 năm 2016 của Ủy ban Dân tộc)*

*Đơn vị tính: đồng*

Stt	Nội dung	Năm 2016			KH năm 2017
		Dự toán	Thực hiện đến 30/6	Ước thực hiện cả năm	
	<b>Tổng số</b>				
<b>1</b>	<b>Biên chế được duyệt</b>				
<b>2</b>	<b>Số cán bộ, công chức có mặt thực tế</b>				
	- Biên chế				
	- Hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP				
	+ Dài hạn				
	+ Ngắn hạn				
<b>3</b>	<b>Tổng quỹ lương (*)</b>				
3.1	Lương, phụ cấp của cán bộ, viên chức:				
-	Lương, phụ cấp của cán bộ, viên chức trong chỉ tiêu biên chế thực có mặt				
-	Lương, phụ cấp của cán bộ, công chức trong chỉ tiêu biên chế được duyệt nhưng chưa tuyển				
-	Lương, phụ cấp cho đối tượng làm việc theo chế độ HĐ theo quy định Nghị định 68/2000/NĐ-CP (thực có mặt)				
3.2	Các khoản đóng góp theo lương				
-	Các khoản đóng góp theo lương của cán bộ, công chức trong chỉ tiêu biên chế thực có mặt				
-	Các khoản đóng góp theo lương của cán bộ, công chức trong chỉ tiêu biên chế được duyệt nhưng chưa tuyển				

Stt	Nội dung	Năm 2016			KH năm 2017
		Dự toán	Thực hiện đến 30/6	Ước thực hiện cả năm	
	Các khoản đóng góp theo lương của đối tượng làm việc theo chế độ HĐ theo quy định Nghị định 68/2000/NĐ-CP (thực có mặt)				
<b>4</b>	<b>Chi hoạt động bộ máy và hoạt động chuyên môn</b>				
	<i>thuyết minh chi tiết theo công việc</i>				
-	Thanh toán dịch vụ công cộng				
-	Vật tư văn phòng				
-	Thông tin liên lạc				
-	Sửa chữa thường xuyên TSCĐ				
	.....				
<b>5</b>	<b>Thực hiện các nhiệm vụ khác</b>				
	.....				
	.....				

**Người lập biểu**

*Hà Nội, ngày ..... tháng ..... năm 2016*

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký tên và đóng dấu)



Tên đơn vị:.....

**CƠ SỞ TÍNH CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC ĐÀO TẠO NĂM 2017**

(Áp dụng đối với Trường Cán bộ Dân tộc)

(Kèm theo Công văn số ~~604~~/UBDT-KHTC ngày ~~22~~ tháng ~~6~~ năm 2016 của Ủy ban Dân tộc)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2016			Dự toán năm 2017
			Dự toán giao	Thực hiện đến 30/6	Ước thực hiện 2016	
<b>1</b>	<b>Biên chế được duyệt</b>					
<b>2</b>	<b>Số cán bộ, công chức có mặt thực tế</b>					
	- Biên chế	người				
	- Hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP	người				
	+ Dài hạn	người				
	+ Ngắn hạn	người				
<b>3</b>	<b>Tổng quỹ lương (*)</b>					
3.1	Lương, phụ cấp và các khoản đóng theo chế độ của cán bộ trong chỉ tiêu biên chế thực có mặt, trong đó:	triệu đồng				
	+ Từ NSNN theo chế độ quy định	triệu đồng				
	+ Từ các nguồn khác theo chế độ quy định	triệu đồng				
3.2	Lương, phụ cấp và các khoản đóng theo chế độ của cán bộ trong chỉ tiêu biên chế được duyệt nhưng chưa tuyển					
3.3	Lương, phụ cấp cho đối tượng làm việc theo chế độ HĐ theo quy định Nghị định 68/2000/NĐ-CP (thực có mặt)	triệu đồng				
<b>4.</b>	<b>Kinh phí hoạt động bộ máy và hoạt động chuyên môn</b>					
	(Thuyết minh chi tiết theo từng khoản mục chi)					
-	Thanh toán dịch vụ công cộng					
-	Vật tư văn phòng					
-	Thông tin liên lạc					
-	Sửa chữa thường xuyên TSCĐ					
-	.....					
<b>5</b>	<b>Các khoản chi đặc thù (**)</b>					
-	Thuê trụ sở					

-	Mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc cho cán bộ, viên chức mới bổ sung					
-						
6	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ phát sinh năm 2017 (***)					
-	.....					
-	.....					

**Ghi chú:**

(\*) Năm 2017 trên cơ sở mức lương cơ sở 1.210.000 đ/tháng.

(\*\*) Chi tiết từng nội dung công việc và các cơ sở, căn cứ tính toán cụ thể.

(\*\*\*) Lập dự toán chi tiết từng nhiệm vụ; nêu rõ cơ sở, căn cứ tính toán cụ thể

**Người lập biểu**

*Hà Nội, ngày ..... tháng ..... năm 2016*

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký tên và đóng dấu)

Tên đơn vị:.....

## CƠ SỞ TÍNH CHI SỰ NGHIỆP QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC NĂM 2017

(Áp dụng đối với Báo Dân tộc và Phát triển, Tạp chí Dân tộc)

(Kèm theo Công văn số ~~607~~/UBDT-KHTC ngày ~~27~~ tháng ~~6~~ năm 2016 của Ủy ban Dân tộc)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2016			Dự toán năm 2017
			Dự toán giao	Thực hiện đến 30/6	Ước thực hiện 2016	
1	Biên chế được duyệt					
2	Số cán bộ, công chức có mặt thực tế					
	- Biên chế	người				
	- Hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP	người				
	+ Dài hạn	người				
	+ Ngắn hạn	người				
3	Tổng quỹ lương (*)					
3.1	Lương, phụ cấp và các khoản đóng theo chế độ của cán bộ trong chỉ tiêu biên chế thực có mặt, trong đó:	triệu đồng				
	+ Từ NSNN theo chế độ quy định	triệu đồng				
	+ Từ các nguồn khác theo chế độ quy định	triệu đồng				
3.2	Lương, phụ cấp và các khoản đóng theo chế độ của cán bộ trong chỉ tiêu biên chế được duyệt nhưng chưa tuyển					
3.3	Lương, phụ cấp cho đối tượng làm việc theo chế độ HĐ theo quy định Nghị định 68/2000/NĐ-CP (thực có mặt)	triệu đồng				
4.	Kinh phí hoạt động bộ máy và hoạt động chuyên môn					
	(Thuyết minh chi tiết theo từng khoản mục chi)					
	- Thanh toán dịch vụ công cộng					
	- Vật tư văn phòng					
	- Thông tin liên lạc					
	- Sửa chữa thường xuyên TSCĐ					
	- .....					
5	Các khoản chi đặc thù (**)					



-	Thuê trụ sở					
-	Mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc cho cán bộ, viên chức mới bổ sung					
-						
6	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ phát sinh năm 2017 (***)					
-	.....					
-	.....					
7	Thu từ hoạt động sự nghiệp					
-	.....					
-	.....					
-	.....					
-	.....					

**Ghi chú:**

(\*) Năm 2017 trên cơ sở mức lương cơ sở 1.210.000 đ/tháng.

(\*\*) Chi tiết từng nội dung công việc và các cơ sở, căn cứ tính toán cụ thể.

(\*\*\*) Lập dự toán chi tiết từng nhiệm vụ; nêu rõ cơ sở, căn cứ tính toán cụ thể

**Người lập biểu**

*Hà Nội, ngày ..... tháng ..... năm 2016*

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
(Ký tên và đóng dấu)

BẢO CÁO NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN TIỀN LƯƠNG NĂM 2017

(Áp dụng đối với các đơn vị dự toán của Ủy ban Dân tộc)

(Kèm theo Công văn số ~~68~~ **67**/UBDT-KHTC ngày ~~04~~ **03** tháng ~~6~~ **6** năm 2016 của Ủy ban Dân tộc)

Đơn vị tính: Triệu đồng

T T		Biên chế năm 2017 được cấp có thẩm quyền giao hoặc phê duyệt (*)	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm lập dự toán	Quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp năm 2017 theo quy định tại Nghị định số 47/2016/ND-CP trong năm 2017 của cán bộ biên chế										Quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp năm 2017 theo quy định tại Nghị định số 47/2016/ND-CP trong năm 2017 của cán bộ hợp đồng (*)										Tổng số quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp năm 2017 thực hiện Nghị định số 47/2016/ND-CP trong năm 2017
				Tổng số	Mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ	Bao gồm						Các khoản đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn (*)	Tổng số lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/ND-CP có mặt tại thời điểm lập dự toán	Tổng số	Mức lương theo hợp đồng	Bao gồm				Tổng số				
						Các loại phụ cấp (chỉ tiết từng loại phụ cấp)										Các khoản phụ cấp, đóng góp theo lương (nếu có)	Các khoản đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn (*)							
						Phụ cấp chức vụ	Phụ cấp thâm niên vượt khung	phụ cấp độc hại	Phụ cấp ưu đãi	Phụ cấp khu vực	....							Tổng số	Trong đó: Bảo hiểm thất nghiệp		Tổng số	Tổng số	Trong đó: Bảo hiểm thất nghiệp	
A	1		2	3=4+5+6+7	4	5						6	7	8	9=10+11	10	11=12+13	12	13	14=1+9				
	TỔNG SỐ																							
	Đơn vị ... (Chỉ tiết CB biên chế, LDHD)																							
	Đơn vị ... (Chỉ tiết CB biên chế, LDHD)																							
	.....																							

(\*) Ghi rõ quyết định giao chỉ tiêu biên chế  
(\*\*) Chỉ bao gồm quỹ lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương của lao động hợp đồng không thời hạn theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP  
Ghi chú: Gửi kèm theo bảng thanh toán lương tháng 6/2016

Người lập biểu

Hà Nội, ngày .... tháng .... năm 2016  
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ  
(ký tên, đóng dấu)

Đơn vị: .....

Áp dụng đối với các đơn vị dự toán thuộc Ủy ban Dân tộc

**QUỸ TIỀN LƯƠNG, PHỤ CẤP, NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN MỨC LƯƠNG CƠ SỞ NĂM 2016**(Kèm theo Công văn số ~~607~~ /UBDT-KHTC ngày ~~27~~ tháng ~~6~~ năm 2016 của Ủy ban Dân tộc)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Số người làm việc được cấp có thẩm quyền quyết định thực có mặt tại thời điểm 30/6/2015		Quỹ tiền lương, phụ cấp thực hiện mức lương cơ sở 1,15 triệu đồng/tháng 04 tháng năm 2016		Quỹ tiền lương, phụ cấp thực hiện mức lương cơ sở 1,21 triệu đồng/tháng 08 tháng năm 2016		Nguồn đảm bảo Quỹ tiền lương, phụ cấp thực hiện mức lương cơ sở 1,21 triệu đồng/tháng			
		Tổng số	Trong đó: Số lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/ND-CP	Tổng số	Trong đó: Quỹ tiền lương, phụ cấp của số lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/ND-CP	Tổng số	Trong đó: Quỹ tiền lương, phụ cấp của số lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/ND-CP	Tổng số	40% số thu để lại theo chế độ (riêng ngành y tế là 35%)	10% tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	NSNN
	<b>TỔNG SỐ</b>	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Chi SN giáo dục - đào tạo và dạy nghề										
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ										
3	Chi sự nghiệp kinh tế										
4	Chi quản lý hành chính										

Người lập biểu

Hà Nội, ngày ....., tháng ....., năm 2016

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(ký tên, đóng dấu)



Tên đơn vị:.....

**KINH PHÍ QUẢN LÝ, XÂY DỰNG CÁC CHƯƠNG TRÌNH, CHÍNH SÁCH, ĐỀ ÁN, VĂN BẢN QPPL, CHƯƠNG TRÌNH MTQG NĂM 2017**

(Áp dụng đối với các Vụ, đơn vị thuộc Ủy ban Dân tộc)

(Kèm theo Công văn số 67/UBDT-KHTC ngày 14 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban Dân tộc)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

ST T	Nhiệm vụ	Đơn vị thực hiện	Năm 2016			Dự toán năm 2017			Ghi chú
			Dự toán giao	Thực hiện đến 30/6	Ước thực hiện 2016	Định mức	Số lượng	Thành tiền	
1	Kinh phí quản lý chương trình, chính sách, đề án đã được phê duyệt (Nêu rõ các QĐ phê duyệt và thời hạn thực hiện)								
2	Kinh phí xây dựng các Đề án mới								
3	Soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật (*)								
	- Luật								
	- Nghị định Chính phủ								
	- Quyết định của TTCP								
	- Thông tư, Thông tư liên tịch								

ST T	Nhiệm vụ	Đơn vị thực hiện	Năm 2016			Dự toán năm 2017			Ghi chú
			Dự toán giao	Thực hiện đến 30/6	Ước thực hiện 2016	Định mức	Số lượng	Thành tiền	
	.....								
4	Chi quản lý và triển khai các CTMT QG								
	...								
	<b>Tổng</b>								

**Ghi chú:**

Các nhiệm vụ ghi rõ thời hạn thực hiện, lập dự toán chi tiết theo từng nội dung chi, mức chi, chi tiết theo từng chương trình, chính sách, đề án, từng hoạt động.

(\*) Đối với các nhiệm vụ xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật năm 2017, đề nghị các Vụ, đơn vị đồng thời gửi về Vụ Pháp chế tổng hợp chung.

Người lập biểu

Hà Nội, ngày ..... tháng ..... năm 2016

Thủ trưởng đơn vị

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2017**

(Dùng cho Vụ Hợp tác Quốc tế tổng hợp các nhiệm vụ đoàn ra, đoàn vào)

(Kèm theo Công văn số 607/UBNDT-KHTC ngày 27 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban Dân tộc)

STT	Nội dung	Nội dung công việc/ Số lượng người tham gia/Trưởng đoàn/Thành phần	Năm 2016			Dự toán năm 2017							Ghi chú	
			Dự toán giao	Thực hiện đến 30/6	Ước thực hiện 2016	Đơn vị tính	Định mức			Số người	Số lượng/Số ngày	Thành tiền		
							Tiền vé máy bay	Tiền ăn, ở	.....					
1	Đoàn đi công tác nước ngoài (Chỉ tiết theo từng đoàn)					USD								
	Nước A													
	Nước B													
	.....													
2	Đón tiếp đoàn vào					1,000 đ								
	Đoàn A													
	Đoàn B													
	.....													
	Tổng													

**Ghi chú:**

- Các nhiệm vụ ghi rõ tên Nước đến hoặc Đoàn vào, số lượng người dự kiến, Trưởng đoàn, thành viên đoàn, các nội dung phía Việt Nam chi trả. ...

Hà Nội, ngày ..... tháng ..... năm 2016

Người lập biểu

Thủ trưởng đơn vị

Tên đơn vị:

THUYẾT MINH CHI CÁC ĐỀ TÀI, DỰ ÁN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC NĂM 2017

(Áp dụng đối với Vụ Tổng hợp)

(Kèm theo Công văn số 607/UBDT-KHTC ngày 27 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban Dân tộc)

STT	Tên đề tài, dự án nghiên cứu khoa học (Nếu cụ thể tên từng đề tài, dự án khoa học thuộc các nhóm nhiệm vụ)	Đơn vị chủ trì thực hiện	Thời gian		Kinh phí (triệu đồng)				Kinh phí thu hồi (triệu đồng)	Thời gian thu hồi
			Bắt đầu	Kết thúc	Tổng kinh phí được duyệt	Kinh phí đã được bố trí đến năm 2016	Kinh phí đã thực hiện đến thời điểm báo cáo	Dự kiến kinh phí năm 2017		
I	Nhiệm vụ NCKH cấp Nhà nước									
1	Đề tài, dự án thuộc các Chương trình KHCN trọng điểm cấp Nhà nước									
2	Đề tài độc lập cấp Nhà nước									
II	Nhiệm vụ KH cấp Bộ, cấp cơ sở									
1	Đề tài trọng điểm cấp Bộ chuyển tiếp									
2	Triển khai các đề tài trọng điểm cấp bộ mới									
3	Các nhiệm vụ phục vụ quản lý và chỉ đạo									
4	Các nhiệm vụ KH và CN phân cấp cho đơn vị									
	Tổng số (A+B)									

Người lập biểu

Hà Nội, ngày ..... tháng ..... năm 2016

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



## KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH/DỰ ÁN/VIỆN TRỢ PHI DỰ ÁN NĂM 2015

(Kèm theo Công văn số 607/UBND-THTC ngày 24 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban Dân tộc)

Đơn vị tính: Triệu VND

TT	Nội dung hoạt động	Nhà tài trợ	Loại tài trợ	Phương thức tài trợ	Bắt đầu, kết thúc	Tổng vốn theo Hiệp định/Điều ước QT	Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến thời điểm báo cáo			Kế hoạch năm 2016	Lũy kế giải ngân từ đầu năm đến thời điểm báo cáo (30/6)			Đơn vị tính: Triệu VND Ước thực hiện cả năm 2016			Kế hoạch năm 2017				
							Tổng số	Trong đó			Tỷ lệ giải ngân %	Tổng số	Trong đó		Tỷ lệ giải ngân %	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
								XDCB	HCSN				XDCB	HCSN			XDCB	HCSN		XDCB	HCSN
A	B	C	D	E	F	I	2	3	4	5=2/1	6	7	8	9	10=7/6	11	12	13	14	15	16
I	Hợp phần I																				
	Hoạt động 1																				
	Hoạt động 2																				
	.....																				
II	Hợp phần II																				
	Hoạt động 1																				
	Hoạt động 2																				
	.....																				

Loại tài trợ: Viện trợ không hoàn lại

Phương thức tài trợ: Hỗ trợ dự án hoặc Hỗ trợ phi dự án

Người lập biểu

Hà Nội, ngày tháng năm 2016

Thủ trưởng đơn vị

**KẾ HOẠCH VỐN ĐỐI ỨNG NĂM 2017**

(Kèm theo Công văn số ~~607~~ UBĐT-KHTC ngày ~~27~~ tháng ~~6~~ năm 2016 của Ủy ban Dân tộc)

Đơn vị tính: Triệu VND

TT	Nội dung hoạt động	Bắt đầu, kết thúc	Vốn đối ứng theo QĐ đầu tư			Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến thời điểm báo cáo			Kế hoạch năm 2016	Lũy kế giải ngân từ đầu năm đến thời điểm báo cáo			Ước thực hiện năm 2016		Kế hoạch năm 2017	
			Số QĐ	Tổng số	NSTW	Tổng số	NSTW	Tỷ lệ giải ngân %		Tổng số	NSTW	Tỷ lệ giải ngân %	Tổng số	NSTW	Tổng số	NSTW
	1	2	3	4	5	6	7	8=6/4	9	10	11	12=10/9	13	14	15	16
I	Hợp phần I															
	Hoạt động 1															
	Hoạt động 2															
	.....															
II	Hợp phần II															
	Hoạt động 1															
	Hoạt động 2															
	.....															

Người lập biểu

Hà Nội, ngày tháng năm 2016  
Thủ trưởng đơn vị

**TỔNG HỢP TÌNH HÌNH GIAO, THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN KSNM NĂM 2016  
VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH 2017 CỦA ỦY BAN DÂN TỘC**

(Kêu theo Công văn số 614/THĐT-KHTC ngày 23 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban Dân tộc)

Đơn vị: *Trên đồng*

STT		Ngành, lĩnh vực	Năm 2016									Kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2016-2020 (Đã được Bộ KHĐT thống báo)			Nhu cầu kế hoạch năm 2017					
			Tổng số DA	KH vốn đã được giao			Tình hình giải ngân đến hết ngày 30/06/2016			Ước giải ngân đến hết ngày 31/01/2017			Tổng số DA	Số vốn kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020			Tổng số DA	Nhu cầu kế hoạch năm 2017		
				Tổng số	Trong nước	Nước ngoài	Tổng số	Trong nước	Nước ngoài	Tổng số	Trong nước	Nước ngoài		Tổng số	Trong nước	Nước ngoài		Tổng số	Trong nước	Nước ngoài
			TỔNG SỐ																	
1			CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ																	
1			Giáo dục và đào tạo																	
1.1			Dự án Xây dựng Học viện Dân tộc																	
2			Thông tin Truyền thông																	
2.1			Xây dựng Bộ từ điển trực tuyến dân tộc thiểu số và Công thông tin đối ngoại phục vụ Hợp tác quốc tế																	
2.2			Xây dựng bộ cơ sở dữ liệu các dân tộc thiểu số Việt Nam																	
3			Quản lý nhà nước																	
3.1			Dự án Xây dựng trụ sở Văn phòng đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh																	
3.2			Dự án Xây dựng hệ thống thông tin và dữ liệu dân tộc																	
II			THỰC HIỆN DỰ ÁN																	
1			Quản lý nhà nước																	
1.1			Dự án Xây dựng trụ sở Ủy ban Dân tộc																	
2			Thông tin Truyền thông																	
2.1			Xây dựng, nâng cấp hệ thống Công thông tin tích hợp dịch vụ công và phân mềm quản lý điều hành tác nghiệp Ủy ban Dân tộc																	

Người lập biểu

Hà Nội, ngày tháng năm 2016

Thủ trưởng đơn vị

*Đưa vj: Triệu đống*

Hà Nội, ngày            tháng            năm 2016  
Thủ trưởng đơn vị